ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4943 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 7176/SXD-QH ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Thường Xuân).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

- Ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Thường Xuân với 16 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 15 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Lang Chánh, Ngọc Lặc;

+ Phía Tây giáp tỉnh Nghệ An và tỉnh Hủa Phăn (nước CHDCND Lào);

+ Phía Đông giáp huyện Thọ Xuân;

+ Phía Nam giáp huyện Triệu Sơn, Như Xuân, Như Thanh.

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 1.107,17 km^2.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm

- Tuân thủ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 và các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Phù hợp với các quy hoạch cấp trên, các quy hoạch ngành, lĩnh vực; kế thừa các quy hoạch, đề án đã và đang triển khai trên địa bàn huyện.

- Phải phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực; Phát huy các tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế với các ngành có ưu thế như nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao;công nghiệp hỗ trợ cho KCN Lam Sơn - Sao Vàng; du lịch sinh thái, cộng đồng, thương mại dịch vụ.

- Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với đảm bảo Quốc phòng, an ninh khu vực biên giới, đảm bảo an sinh xã hội, đại đoàn kết các dân tộc; giữ gìn hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên của khu BTTN Xuân Liên, giữ gìn nguồn nước của vùng hồ Cửa Đạt, đảm bảo hài hòa với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện.

2.2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2021-2025, các quy hoạch ngành của tỉnh trên địa bàn huyện, làm căn cứ để định hướng các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

- Phát huy vị trí chiến lược của huyện Thường Xuân để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, khai thác các thế mạnh về đầu mối giao thông, du lịch, nông lâm nghiệp, làm cơ cở hoàn thành xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững, liên kết chặt chẽ việc đảm bảo an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội. Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, thống nhất các quy hoạch trên địa bàn huyện làm công cụ để chỉ đạo toàn diện và thống nhất quản lý, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Thường Xuân.

- Là cơ sở pháp lý để tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, quy hoạch các khu chức năng trên địa bàn huyện.

3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

Là vùng sinh thái rừng đầu nguồn, vùng phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ và công nghiệp.

Có vai trò quan trọng đảm bảo môi trường sinh thái, nguồn nước, an sinh xã hội và quốc phòng an ninh thuộc vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa (theo Nghị quyết số 58-NQ-TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

4. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng

Cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện dựa trên: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình hạ tầng xã hội, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn, vv…

4.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành. Trong đó lưu ý:

- Hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; hệ thống chiếu sáng công cộng; hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông);

hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); hệ thống vệ sinh công cộng; hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa tang đảm bảo tiêu chí của đô thị và nông thôn.

4.2. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số:

- Dân số toàn huyện năm 2019 khoảng 89.131 người, dân số đô thị khoảng 9.581 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 10,7%.

- Dự báo đến năm 2030, dân số toàn huyện đạt khoảng 98.000 người, dân số đô thị khoảng 30.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 30%.

- Dự báo đến năm 2045, dân số toàn huyện đạt khoảng 110.000 người, dân số đô thị khoảng 39.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 35%.

4.3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

- Hiện trạng diện tích tự nhiên huyện Thường Xuân 110.717ha; hiện trạng đất xây đô thị tại thị trấn Thường Xuân khoảng 160ha (trung bình khoảng 165m2/người).

Dự kiến chỉ tiêu đất xây dựng đô thị khoảng 200 - 250m2/người.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 580ha - 730ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 780ha - 980ha.

(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đồ án quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cụ thể như sau:

5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Thường Xuân và các vùng lân cận trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các huyện lân cận như Lang Chánh, Ngọc Lặc, Thọ Xuân, vùng phía Tây tỉnh Nghệ An để có các giải pháp kết nối hiệu quả, cùng phát triển. Đánh giá tác động ảnh hưởng và mối quan hệ tương hỗ đối với các khu vực trọng điểm trong tỉnh.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên như: Khí hậu, thủy văn, địa hình địa mạo, địa chất công trình, địa chất thủy văn... để xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, các khu vực cần kiểm soát phát triển.

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế xã hội như: dân số, lao động, thu nhập bình quân, tốc độ tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, hiện trạng sử dụng đất đai, tình hình phát triển đô thị, nông thôn... , so sánh với các huyện trong vùng làm cơ sở để đưa ra các dự báo đảm bảo khả thi, chính xác.

- Đánh giá tình hình phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa, thực trạng quản lý đô thị; các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...); hệ thống hạ tầng xã hội để làm cơ sở để xác định cơ cấu phát triển không gian.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, bao gồm: hiện trạng hệ thống giao thông từ đường xã trở lên, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý nước thải, CTR của các đô thị, các khu công nghiệp, hiện trạng nghĩa trang, hiện trạng về tiêu thụ điện, nguồn điện và lưới điện, hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái…) và môi trường xã hội

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Định hướng phát triển không gian vùng huyện phải dựa trên cơ sở đánh giá các quỹ đất xây dựng thuận lợi, lựa chọn các khu vực phát triển cho phù hợp, trong đó hướng phát triển chính nghiên cứu gắn kết với khu vực đô thị Lam Sơn - Sao Vàng và khu vực huyện Ngọc Lặc.

- Đối với phân vùng phát triển: rà soát lại các vùng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực gắn với việc bố trí các khu chức năng, các khu vực sản xuất. Xác định các vùng phát triển; hạn chế phát triển; các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

- Đối với tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn:

+ Về hệ thống đô thị: Trên cơ sở định hướng Quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh trong quy hoạch tỉnh dự kiến phát triển 5 đô thị trên địa bàn toàn huyện gồm: thị trấn Thường Xuân, các đô thị dự kiến gồm Khe Hạ, Cửa Đặt, Yên Nhân, Bát Mọt. Làm rõ tính chất chức năng của các đô thị, xác định quy mô các đô thị đảm bảo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 1210/2016/NQ-UBTVQH gắn với sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

+ Về phát triển nông thôn: Phát triển hệ thống khu dân cư nông thôn phù hợp với yêu cầu phát triển nông thôn mới, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực và tiết kiệm đất đai.

- Đối với các khu chức năng: rà soát cập nhật theo phương án quy hoạch của các ngành đang triển khai để tích hợp vào quy hoạch tỉnh, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh và bổ sung nếu có trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển trên địa bàn huyện. Trong đó tập trung nghiên cứu các khu vực thuận lợi cho phát triển du lịch, nông nghiệp quy mô lớn, công nghiệp - TTCN.

+ Đối với các khu vực phát triển du lịch: Nghiên cứu các loại hình du lịch phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của địa phương, khai thác và phát huy các nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn, phù hợp với Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng huyện Thường Xuân đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Đối với các khu vực phát triển nông, lâm nghiệp: Nghiên cứu xây dựng các vùng sản xuất, chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế và môi trường, đa dạng hóa các sản phẩm lâm nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thế mạnh.

5.3. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

- Xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và một số công trình hạ tầng xã hội phục vụ vùng liên huyện như: các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

- Phân bổ và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội của huyện gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, khu vực bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa là điểm mạnh của huyện.

5.4. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

- Về định hướng giao thông: Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết với các khu vực trọng điểm của tỉnh. Đối với giao thông nội huyện, lựa chọn khung giao thông để phát triển các khu vực mới và các đô thị dự kiến hình thành, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với khu vực nông thôn.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh bảo các vùng cấm và hạn chế xây dựng, xác định các khu vực thuận lợi xây dựng, hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên.

Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối. Các giải pháp giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị; trung tâm huyện lỵ. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện: Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất, điều chỉnh lưới truyền tải điện và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công xuất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

5.5. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác:

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đế môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu thực hiện theo Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (khu vực bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

6. Hồ sơ sản phẩm

6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch

Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

Sử dụng bản đồ địa hình số tỷ lệ 1/25.000 và tỷ lệ 1/10.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

6.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;

- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;

- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định theo yêu cầu của hội nghị.

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 8 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

7. Kinh phí thực hiện: Giao UBND huyện Thường Xuân tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

8. Nguồn vốn lập quy hoạch: Nguồn vốn lập quy hoạch do UBND huyện Thường Xuân chủ động bố trí, huy động đảm bảo quy định.

9. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Thường Xuân.

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.

- Thời gian thực hiện đồ án quy hoạch: Thời gian lập đồ án không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

H2.(2020)QDPD_NV QHVH Thuong Xuan

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm